

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 2 năm 2009)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

SỐ TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	5,654,951,444	5,008,505,308
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1,822,673,527	2,364,165,361
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3,280,000,000	2,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	451,533,580	555,657,000
4	Hàng tồn kho	50,797,421	42,838,701
5	Tài sản ngắn hạn khác	49,946,916	45,844,246
II	Tài sản dài hạn	3,569,198,570	3,804,060,393
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	3,230,307,883	3,166,935,231
	- Tài sản cố định hữu hình	3,230,307,883	3,166,935,231
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định cho thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	300,000,000	300,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	38,890,687	337,125,162
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9,224,150,014	8,812,565,701
IV	Nợ phải trả	1,203,456,283	604,790,266
1	Nợ ngắn hạn	1,167,348,806	561,723,512
2	Nợ dài hạn	36,107,477	43,066,754
V	Vốn chủ sở hữu	8,020,693,731	8,207,775,435
1	Vốn chủ sở hữu	7,955,125,436	8,155,957,140
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5,800,000,000	5,800,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu	971,466,391	971,466,391
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ: Quỹ dự phòng tài chính	580,000,000	580,000,000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	603,659,045	804,490,749
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	65,568,295	51,818,295
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	65,568,295	65,568,295
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9,224,150,014	8,812,565,701

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LUYỆN KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,242,187,007	3,452,743,533
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		1,248,249
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,242,187,007	3,451,495,284
4	Giá vốn hàng bán	536,461,321	1,780,424,791
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	705,725,686	1,743,070,493
6	Doanh thu hoạt động tài chính	87,238,634	156,856,742
7	Chi phí tài chính		-
8	Chi phí bán hàng	258,221,262	469,971,718
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	320,719,772	613,502,750
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	214,023,286	816,452,767
11	Thu nhập khác	29,409,082	29,409,082
12	Chi phí khác		-
13	Lợi nhuận khác	29,409,082	29,409,082
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	243,432,368	845,861,849
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	42,600,664	148,025,824
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	200,831,704	697,836,025
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	346	1,203
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Hà nội, ngày 20 tháng 7 năm 2009

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN